

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn quản lý Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao
tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội
nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 – 2015**

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 - 2015;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 - 2015 như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn việc quản lý Chương trình “Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi” giai đoạn 2011 – 2015 được phê duyệt theo Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây viết tắt là Chương trình).

2. Chương trình bao gồm các dự án: ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ, đào tạo, tập huấn nghiệp vụ và hoạt động thông tin, tuyên truyền nhằm thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi, được tập hợp để thực hiện mục tiêu và nội dung của Chương trình.

3. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức Việt Nam, cá nhân người Việt Nam tham gia Chương trình và cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

Điều 2. Phân nhóm, phân cấp quản lý các dự án

1. Các dự án thuộc Chương trình được phân thành hai nhóm: nhóm các dự án do Trung ương quản lý và nhóm các dự án ủy quyền địa phương quản lý.

a) Các dự án thuộc nhóm do Trung ương quản lý là các dự án tập trung hỗ trợ các địa phương ứng dụng khoa học và công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề:

- Có tầm quan trọng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội, có quy mô lớn, có ảnh hưởng liên vùng hoặc một vùng kinh tế trọng điểm;

- Ứng dụng các công nghệ mới so với địa phương, có nội dung khoa học và công nghệ tiên tiến thích hợp, đòi hỏi sự phối hợp của nhiều chuyên gia thuộc nhiều chuyên ngành, nhiều tổ chức khoa học và công nghệ, đặc biệt đòi hỏi phải có sự huy động các lực lượng khoa học và công nghệ từ Trung ương về hỗ trợ địa phương;

Các dự án thuộc nhóm do Trung ương quản lý được Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp chỉ đạo thực hiện.

b) Các dự án thuộc nhóm ủy quyền địa phương quản lý là các dự án hỗ trợ địa phương giải quyết vấn đề:

- Áp dụng các công nghệ tiên tiến hơn so với các công nghệ hiện có ở địa phương và phù hợp với năng lực tổ chức, chỉ đạo của địa phương;

- Phát triển và áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật phù hợp với điều kiện địa phương.

Các dự án thuộc nhóm này do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố) phê duyệt và giao Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố) giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chỉ đạo thực hiện.

2. Thời gian thực hiện dự án tối đa là 36 tháng. Riêng đối với các dự án trồng các loại cây lâu năm, trồng rừng, phát triển vùng nguyên liệu kết hợp chế biến và một số đối tượng đặc biệt khác, thời gian có thể kéo dài hơn nhưng không vượt quá 60 tháng và do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.

3. Dự án được thực hiện thông qua hợp đồng.

a) Đối với dự án do Trung ương quản lý: Văn phòng Chương trình Nông thôn miền núi (sau đây viết tắt là Văn phòng Chương trình) và Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố đồng bên A ký kết hợp đồng với đơn vị chủ trì và chủ nhiệm dự án là bên B.

b) Đối với dự án ủy quyền địa phương quản lý: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố là bên A ký kết hợp đồng với đơn vị chủ trì và chủ nhiệm dự án là bên B.

Điều 3. Cơ quan chủ quản, cơ quan chủ trì, cơ quan chuyển giao công nghệ và chủ nhiệm dự án

1. Cơ quan chủ quản dự án đối với các dự án thuộc nhóm do Trung ương quản lý là Bộ Khoa học và Công nghệ và đối với các dự án thuộc nhóm uỷ quyền địa phương quản lý là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

2. Cơ quan chủ trì dự án là một đơn vị có tư cách pháp nhân và là đơn vị trực tiếp thực hiện dự án, tiếp thu và thụ hưởng kết quả của dự án.

3. Cơ quan chuyển giao công nghệ là tổ chức có tư cách pháp nhân, có công nghệ cần chuyển giao và có lực lượng cán bộ khoa học am hiểu, làm chủ được công nghệ cần chuyển giao, có kinh nghiệm chuyển giao công nghệ.

4. Chủ nhiệm dự án là cán bộ thuộc cơ quan chủ trì dự án, có chuyên môn phù hợp và có trình độ từ tốt nghiệp cao đẳng trở lên.

Điều 4. Điều kiện của công nghệ được lựa chọn

Công nghệ được lựa chọn để chuyển giao cho các dự án thuộc Chương trình phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Công nghệ tạo ra trong nước đã được đánh giá, công nhận cho phép ứng dụng và chuyển giao, đảm bảo tiên tiến hơn so với công nghệ hiện có của địa phương.

2. Công nghệ nhập từ nước ngoài nhưng phải chứng minh được tính thích nghi và năng lực làm chủ công nghệ đó của cơ quan chuyển giao công nghệ.

3. Công nghệ hướng vào giải quyết những vấn đề có tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường sinh thái.

4. Công nghệ đã có quy trình kỹ thuật ổn định, phù hợp với khả năng tiếp thu của các tổ chức và người dân vùng dự án.

Điều 5. Tổ chức xác định, lựa chọn, triển khai các dự án

1. Hàng năm theo tiến độ xây dựng kế hoạch và ngân sách, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố căn cứ vào mục tiêu, nội dung của Chương trình và điều kiện của địa phương tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố về mục tiêu, nội dung, địa bàn và quy mô của các dự án thuộc Chương trình để tổng hợp vào kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm của tỉnh, thành phố. Sau khi thảo luận kế hoạch và ngân sách hàng năm với các sở, ban ngành ở địa phương, dự án được hoàn chỉnh, bổ sung đề xin ý kiến của hội đồng khoa học và công nghệ cấp tỉnh, thành phố.

2. Trên cơ sở ý kiến tư vấn của hội đồng khoa học và công nghệ cấp tỉnh, thành phố, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xác định danh mục các dự án thuộc Chương trình đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét hỗ trợ kinh phí thực hiện.

3. Hàng năm, căn cứ vào mục tiêu, nội dung của Chương trình và trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét lựa chọn xác định danh mục dự án và phê duyệt kinh phí thực hiện đối với các dự án do Trung ương quản lý trên cơ sở ý kiến tư vấn của hội đồng khoa học và công nghệ cấp Nhà nước để bố trí các dự án vào kế hoạch và giao nhiệm vụ cho các cơ quan chủ trì và chủ nhiệm dự án tổ chức thực hiện;

b) Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét lựa chọn xác định danh mục dự án, thẩm định nội dung và phê duyệt kinh phí hỗ trợ đối với các dự án uỷ quyền địa phương quản lý để thông báo cho các địa phương thực hiện.

4. Văn phòng Chương trình cùng với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố ký kết hợp đồng thực hiện dự án với cơ quan chủ trì và chủ nhiệm dự án đối với các dự án do Trung ương quản lý. Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố ký kết hợp đồng thực hiện dự án với cơ quan chủ trì và chủ nhiệm dự án đối với các dự án uỷ quyền địa phương quản lý.

5. Trên cơ sở hợp đồng thực hiện dự án, cơ quan chủ trì dự án và chủ nhiệm dự án tiến hành ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ với các tổ chức có công nghệ chuyển giao đã được lựa chọn.

Điều 6. Mã số các dự án thuộc Chương trình

Mã số của các dự án thuộc Chương trình được ghi như sau:
NTMN.DA.TW(ĐP).XX-20YY, trong đó:

1. NTMN: Là ký hiệu chung cho Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 - 2015;

2. DA: Là ký hiệu dự án thuộc Chương trình;

3. TW: Là ký hiệu dự án do Trung ương quản lý;

4. ĐP: Là ký hiệu dự án uỷ quyền địa phương quản lý;

5. XX: Là ký hiệu số thứ tự của dự án;

6. YY: Là ký hiệu năm bắt đầu thực hiện dự án.

Ví dụ: NTMN.DA.TW.01-2011 hoặc NTMN.DA.ĐP.01-2011.

Chương II

TỔ CHỨC QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

Điều 7. Tổ chức và nhân sự của Chương trình

1. Chương trình có Ban Chỉ đạo Chương trình do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập và làm Trưởng ban, một Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ làm Phó trưởng ban thường trực và các thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình là đại diện lãnh đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính,

Ủy ban Dân tộc và Trung ương Hội Nông dân Việt Nam. Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực của Chương trình.

2. Ban Chỉ đạo Chương trình có Văn phòng giúp việc. Văn phòng Chương trình gồm Chánh Văn phòng, các Phó Chánh Văn phòng và có một số cán bộ giúp việc. Chánh Văn phòng là cán bộ kiêm nhiệm và các Phó Chánh Văn phòng, cán bộ giúp việc của Văn phòng Chương trình là cán bộ chuyên trách.

3. Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Chương trình do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ bổ nhiệm. Các cán bộ giúp việc trong Văn phòng Chương trình do Chánh Văn phòng tuyển dụng và ký hợp đồng lao động sau khi thống nhất ý kiến với Vụ Tổ chức Cán bộ và được Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

4. Văn phòng Chương trình đặt tại Bộ Khoa học và Công nghệ. Văn phòng Chương trình có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện Chương trình theo phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2010 về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011 - 2015.

2. Xác định danh mục các dự án và quyết định phê duyệt danh mục, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án đối với các dự án do Trung ương quản lý theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 5 của Thông tư này.

3. Thành lập các hội đồng khoa học và công nghệ cấp Nhà nước để xem xét, đánh giá hồ sơ thuyết minh dự án đối với các dự án do Trung ương quản lý.

4. Thẩm định nội dung và dự toán kinh phí các nhiệm vụ của Chương trình; phê duyệt nội dung, kinh phí, cơ quan chủ trì và cơ quan chuyển giao công nghệ đối với dự án do Trung ương quản lý; nội dung và kinh phí các hoạt động khác của Chương trình.

5. Thẩm định nội dung và mức kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương đối với các dự án uỷ quyền địa phương quản lý.

6. Tổng hợp dự toán kinh phí của Chương trình để cân đối trong tổng dự toán kinh phí sự nghiệp khoa học hàng năm; giao dự toán kinh phí hoạt động chung của Chương trình và dự toán kinh phí thực hiện các dự án do Trung ương quản lý cho Văn phòng Chương trình; phối hợp với Bộ Tài chính cân đối kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương đối với các dự án uỷ quyền địa phương quản lý và giải quyết những vấn đề liên quan đến tài chính của Chương trình.

7. Kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Chương trình; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong việc kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các dự án thuộc Chương trình.

8. Thẩm tra quyết toán kinh phí của các dự án do Trung ương quản lý thuộc Chương trình và kinh phí hoạt động chung của Chương trình.

9. Phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua sắm vật tư, thiết bị bằng kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương của các dự án do Trung ương quản lý theo quy định hiện hành.

10. Điều chỉnh mục tiêu, nội dung, hạng mục kinh phí và tiến độ thực hiện các dự án thuộc Chương trình do Trung ương quản lý đã được phê duyệt, đình chỉ và hủy bỏ hợp đồng khi cần thiết, xử lý vấn đề tài chính các dự án bị đình chỉ hoặc hủy bỏ.

11. Thành lập các hội đồng đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án do Trung ương quản lý thuộc Chương trình.

12. Tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả và tổng kết Chương trình.

Điều 9. Nhiệm vụ của Ban chỉ đạo Chương trình

1. Cụ thể hoá mục tiêu và nội dung của Chương trình đã được xác định tại Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ để làm căn cứ cho việc lựa chọn và bố trí các dự án thuộc Chương trình vào thực hiện trong kế hoạch hàng năm.

2. Xây dựng kế hoạch thực hiện của Chương trình, tổ chức các hoạt động chung của Chương trình.

3. Tổ chức phối hợp lồng ghép các hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi Chương trình với các chương trình và dự án khác có liên quan.

4. Chỉ đạo cơ quan chủ trì và cơ quan chuyên giao công nghệ của dự án tổ chức triển khai các dự án theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và kinh phí đã được phê duyệt.

5. Giúp Bộ Khoa học và Công nghệ đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện, đánh giá, nghiệm thu, tổng kết các dự án. Đề xuất xử lý các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện Chương trình.

6. Đề xuất với Bộ Khoa học và Công nghệ khen thưởng đối với các tổ chức và cá nhân có thành tích nổi bật trong quá trình thực hiện dự án và đề xuất các biện pháp xử lý đối với những trường hợp vi phạm quy định về tổ chức và quản lý dự án thuộc Chương trình.

Điều 10. Nhiệm vụ của Văn phòng Chương trình

1. Soạn thảo trình Trưởng ban Chỉ đạo Chương trình phê duyệt chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Chương trình, chuẩn bị nội dung và điều kiện cần thiết cho các buổi làm việc của Ban Chỉ đạo Chương trình.

2. Tổ chức các cuộc họp hội đồng khoa học công nghệ cấp Nhà nước đánh giá hồ sơ thuyết minh dự án, hội đồng khoa học công nghệ cấp Nhà nước đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án thuộc Chương trình do Trung ương quản lý.

3. Lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Chương trình theo quy định hiện hành.

4. Lập dự toán kinh phí hoạt động chung hàng năm của Chương trình; tổng hợp dự toán kinh phí của Chương trình; tổng hợp quyết toán kinh phí năm của Chương trình trình Ban Chỉ đạo, Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp chung gửi Bộ Tài chính; đề xuất và thống nhất với các Vụ chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc điều chỉnh nội dung, kinh phí của các dự án thuộc Chương trình do Trung ương quản lý khi cần thiết.

5. Chuẩn bị hợp đồng thực hiện dự án và cùng với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố ký kết hợp đồng thực hiện dự án đối với các dự án do Trung ương quản lý theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

6. Cấp phát kinh phí thực hiện dự án theo hợp đồng cho các dự án do Trung ương quản lý và các nhiệm vụ khác thuộc Chương trình.

7. Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động thông tin tuyên truyền, đào tạo, tập huấn theo nội dung đã được phê duyệt tại Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2010.

8. Định kỳ 6 tháng và hàng năm xây dựng báo cáo kết quả tình hình thực hiện Chương trình gửi Ban chỉ đạo Chương trình và Bộ Khoa học và Công nghệ.

9. Tổ chức kiểm tra và tham gia kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất khi cần thiết về tình hình thực hiện các dự án.

10. Xây dựng báo cáo sơ kết giữa kỳ, báo cáo tổng kết kết quả và đánh giá hiệu quả thực hiện Chương trình, tổ chức sơ kết và tổng kết hoạt động của Chương trình.

11. Chủ trì và phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức đánh giá giá trị tài sản còn lại sau khi dự án kết thúc trình Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính để quyết định phương án xử lý tài sản của các dự án do Trung ương quản lý.

12. Chủ trì và phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ làm thủ tục thanh lý hợp đồng đối với các dự án do Trung ương quản lý.

13. Đề xuất với Ban Chỉ đạo Chương trình để kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ khen thưởng đối với các tổ chức và cá nhân có thành tích nổi bật trong quá trình thực hiện dự án và đề xuất các biện pháp xử lý đối với những trường hợp vi phạm quy định về tổ chức, quản lý dự án do Trung ương quản lý.

14. Thống kê kết quả hoạt động của Chương trình, bàn giao các kết quả và tài liệu về dự án của Chương trình cho Bộ Khoa học và Công nghệ và các địa phương có liên quan.

15. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban chỉ đạo và Bộ Khoa học và công nghệ phân công.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố

1. Xác định danh mục các dự án do Trung ương quản lý trên địa bàn địa phương và kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét lựa chọn.

2. Xác định các dự án và phê duyệt danh mục, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án đối với các dự án ủy quyền địa phương quản lý.

3. Phê duyệt nội dung, kinh phí và cơ quan chuyển giao công nghệ cho các dự án ủy quyền địa phương quản lý và kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ mức kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học Trung ương đối với các dự án ủy quyền địa phương quản lý và giao cho Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố tổ chức thực hiện.

4. Phê duyệt kế hoạch mua sắm vật tư, thiết bị bằng kinh phí từ ngân sách Nhà nước của các dự án thuộc Chương trình ủy quyền địa phương quản lý theo quy định hiện hành.

5. Chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố và các sở, ban ngành có liên quan xây dựng cơ chế hỗ trợ để duy trì, phát triển, kế hoạch nhân rộng kết quả và tổ chức thực hiện nhân rộng kết quả các dự án vào sản xuất.

6. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân triển khai thực hiện dự án thuộc Chương trình.

Điều 12. Nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố:

a) Tổ chức xác định danh mục các dự án, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án, cơ quan chuyển giao công nghệ đối với các dự án ủy quyền địa phương quản lý.

b) Thành lập hội đồng khoa học và công nghệ cấp tỉnh, thành phố để xem xét, đánh giá hồ sơ thuyết minh các dự án thuộc Chương trình dự kiến sẽ triển khai ở địa phương.

c) Tổng hợp danh mục các dự án do Trung ương quản lý; mức kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương đối với các dự án ủy quyền địa phương quản lý để đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ hỗ trợ thực hiện.

2. Chủ trì và phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan thẩm định kinh phí đối ứng của các dự án ủy quyền địa phương quản lý.

3. Cùng với Văn phòng Chương trình ký kết hợp đồng thực hiện dự án với cơ quan chủ trì dự án và chủ nhiệm dự án đối với các dự án do Trung ương quản lý.

4. Ký kết hợp đồng thực hiện dự án với cơ quan chủ trì và chủ nhiệm dự án đối với các dự án ủy quyền địa phương quản lý.

5. Định kỳ 6 tháng, 1 năm chủ trì hoặc phối hợp với Văn phòng Chương trình và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các dự án thuộc Chương trình; đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và Bộ Khoa học và Công nghệ xử lý các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện các dự án thuộc Chương trình.

6. Định kỳ hàng năm trên cơ sở đánh giá tình hình và kết quả dự án của cơ quan chủ trì xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện của các dự án ủy quyền

địa phương quản lý và xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện của các dự án do Trung ương quản lý nếu được Bộ Khoa học và Công nghệ yêu cầu; tổng hợp dự toán, quyết toán kinh phí của các dự án ủy quyền địa phương quản lý trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định; đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố việc điều chỉnh mục tiêu, nội dung, kinh phí của các dự án ủy quyền địa phương quản lý khi cần thiết.

7. Đôn đốc và hướng dẫn xây dựng báo cáo hàng năm và báo cáo giữa kỳ, báo cáo tổng kết kết quả thực hiện các dự án.

8. Thành lập hội đồng khoa học và công nghệ cấp tỉnh, thành phố đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện đối với các dự án do Trung ương quản lý và các dự án ủy quyền địa phương quản lý.

9. Chủ trì và phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan tổ chức đánh giá giá trị tài sản còn lại sau khi dự án kết thúc, trình Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố để quyết định phương án xử lý tài sản của các dự án ủy quyền địa phương quản lý.

10. Thanh lý hợp đồng đối với các dự án ủy quyền cho địa phương quản lý và phối hợp với Văn phòng Chương trình làm thủ tục thanh lý hợp đồng đối với dự án do Trung ương quản lý.

11. Đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố để kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ khen thưởng đối với các tổ chức và cá nhân có thành tích nổi bật trong quá trình thực hiện dự án và đề xuất các biện pháp xử lý những trường hợp vi phạm quy định về tổ chức, quản lý dự án.

12. Lưu giữ hồ sơ, tài liệu của các dự án theo quy định.

13. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xây dựng các báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện các dự án trên địa bàn theo quy định và báo cáo tổng hợp hàng năm gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

14. Phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan xây dựng các cơ chế để hỗ trợ duy trì, phát triển, kế hoạch nhân rộng kết quả và tổ chức thực hiện nhân rộng kết quả các dự án vào sản xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành.

15. Tổ chức sơ kết và tổng kết đánh giá kết quả hoạt động của các dự án thuộc Chương trình được triển khai trên địa bàn của địa phương.

Điều 13. Nhiệm vụ của cơ quan chủ trì

1. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện đầy đủ các điều cam kết trong hợp đồng. Đảm bảo điều kiện về cơ sở hạ tầng, nhân lực, kinh phí để hỗ trợ chủ nhiệm dự án và cơ quan chuyên giao công nghệ thực hiện dự án.

2. Bảo đảm kinh phí thực hiện dự án theo đúng thuyết minh được phê duyệt và thực hiện quyết toán kinh phí theo quy định; chịu trách nhiệm về việc quản lý sử dụng kinh phí, vật tư, tài sản của dự án theo nội dung và dự toán đã được phê duyệt.

3. Hỗ trợ chủ nhiệm dự án, cơ quan chuyên giao công nghệ trong việc triển khai thực hiện các nội dung và quản lý kinh phí của dự án theo quy định hiện hành.

4. Trên cơ sở kế hoạch đấu thầu mua sắm vật tư, thiết bị được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức thực hiện đấu thầu mua sắm vật tư, thiết bị theo đúng quy định của Luật đấu thầu và các quy định hiện hành.

5. Phối hợp với chính quyền địa phương lồng ghép các nội dung của dự án với các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia triển khai trên địa bàn, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác, huy động các nguồn vốn để cùng với nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để đảm bảo đủ kinh phí thực hiện dự án.

6. Đánh giá tình hình thực hiện dự án và khối lượng công việc thực hiện hàng năm của dự án.

7. Báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố những vấn đề phát sinh làm ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án và kiến nghị, đề xuất giải pháp xử lý đối với các dự án uỷ quyền địa phương quản lý.

8. Báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, Ban Chỉ đạo Chương trình và Bộ Khoa học và Công nghệ về những vấn đề phát sinh làm ảnh hưởng đến việc thực hiện dự án và kiến nghị, đề xuất giải pháp xử lý đối với các dự án do Trung ương quản lý.

9. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố tổ chức nghiệm thu các mô hình và tổ chức hội đồng khoa học và công nghệ cấp tỉnh, thành phố đánh giá nghiệm thu đối với các dự án thuộc Chương trình.

10. Xây dựng kế hoạch và tổ chức nhân rộng kết quả của dự án thuộc Chương trình vào sản xuất.

Điều 14. Nhiệm vụ của chủ nhiệm dự án

1. Chủ động thực hiện nội dung, dự toán kinh phí đã được phê duyệt theo quy định.

2. Thực hiện những cam kết trong hợp đồng, tự đánh giá khối lượng công việc đã thực hiện và chịu trách nhiệm về tiến độ, kết quả thực hiện và hiệu quả sử dụng kinh phí của dự án.

3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định về tình hình triển khai dự án, tình hình sử dụng kinh phí của dự án cho Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố, Văn phòng Chương trình, Ban Chỉ đạo Chương trình, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và Bộ Khoa học và Công nghệ, bao gồm:

a) Báo cáo tình hình thực hiện dự án định kỳ 6 tháng.

b) Báo cáo khối lượng công việc đã thực hiện hàng năm và quyết toán kinh phí hàng năm của dự án để làm cơ sở cho việc cấp tiếp kinh phí.

c) Xây dựng hồ sơ đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện dự án theo đúng quy định.

d) Báo cáo quyết toán kinh phí của dự án.

4. Bàn giao kết quả và sản phẩm của dự án theo quy định.

5. Chịu sự giám sát và kiểm tra tình hình thực hiện dự án của Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, Ban Chỉ đạo Chương trình, cơ quan chủ trì dự án và các cơ quan có thẩm quyền khác.

Điều 15. Xử lý các vấn đề phát sinh

1. Trong quá trình thực hiện, nếu phát hiện một trong những tình hình sau thì Bộ Khoa học và Công nghệ và các bên tham gia hợp đồng thực hiện dự án và hợp đồng chuyển giao công nghệ của dự án đều có quyền đưa ra kiến nghị điều chỉnh, đình chỉ hoặc huỷ bỏ hợp đồng:

a) Do ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh như: thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh,... dẫn đến chủ nhiệm dự án, cơ quan chủ trì và cơ quan chuyển giao công nghệ không thể tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng.

b) Chủ nhiệm dự án, cơ quan chủ trì dự án và cơ quan chuyển giao công nghệ không bảo đảm đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực, kinh phí đối ứng và các điều kiện khác để thực hiện dự án như đã cam kết trong hợp đồng.

c) Chủ nhiệm dự án, cơ quan chủ trì dự án và cơ quan chuyển giao công nghệ không đủ năng lực tổ chức quản lý và thực hiện các nội dung dự án theo hợp đồng.

d) Sử dụng kinh phí của dự án sai mục đích và không đảm bảo hiệu quả.

2. Đối với các dự án do Trung ương quản lý, cơ quan có dự án bị đình chỉ hoặc huỷ bỏ hợp đồng phải ngừng mọi hoạt động của dự án và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố bằng văn bản về những công việc đã triển khai, kinh phí đã sử dụng, trang thiết bị máy móc đã mua sắm. Căn cứ vào tình hình cụ thể của từng dự án, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét giải quyết.

3. Đối với các dự án uỷ quyền địa phương quản lý, đơn vị có dự án bị đình chỉ hoặc huỷ bỏ hợp đồng phải ngừng mọi hoạt động của dự án và báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố bằng văn bản về những công việc đã triển khai, kinh phí đã sử dụng, trang thiết bị máy móc đã mua sắm. Căn cứ vào tình hình cụ thể của từng dự án, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét giải quyết và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ bằng văn bản.

Chương III

QUẢN LÝ KINH PHÍ VÀ TÀI SẢN

Điều 16. Quản lý kinh phí của Chương trình

1. Kinh phí của Chương trình, dự án phải được sử dụng đúng mục đích và bảo đảm hiệu quả theo dự toán đã được phê duyệt và theo các quy định về quản lý tài chính hiện hành.

2. Mọi điều chỉnh so với mục tiêu, nội dung và dự toán kinh phí ban đầu đã được phê duyệt đối với dự án do Trung ương quản lý phải được Bộ Khoa học và

Công nghệ xem xét và phê duyệt trên cơ sở kiến nghị bằng văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố và Ban Chỉ đạo Chương trình.

3. Mọi điều chỉnh so với mục tiêu, nội dung và dự toán kinh phí ban đầu đã được phê duyệt của dự án ủy quyền địa phương quản lý phải được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố xem xét và phê duyệt trên cơ sở kiến nghị bằng văn bản của Sở Khoa học và Công nghệ và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ bằng văn bản.

Điều 17. Quản lý tài sản của Chương trình

1. Tài sản được đầu tư từ nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp cho dự án là tài sản Nhà nước. Đơn vị được Nhà nước giao nhiệm vụ mua sắm, quản lý sử dụng có trách nhiệm chấp hành đúng chế độ hiện hành về mua sắm, quản lý sử dụng tài sản Nhà nước.

2. Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày đánh giá, nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện dự án, đơn vị sử dụng tài sản phải báo cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định phương án xử lý tài sản.

3. Nội dung cụ thể về quản lý tài chính và tài sản của Chương trình được quy định cụ thể trong thông tư liên tịch giữa Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở KH&CN tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Website Bộ KH&CN;
- Lưu VT, Vụ KHTC.

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Quân